

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM-PT
Ngày 08 tháng 01 năm 2024
“Tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng công trình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Hồng Nước
- **Các Thẩm phán:** Ông Ngô Tấn Lợi
Ông Nguyễn Chí Dũng
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Ngọc Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2023/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2023/QĐXXPT - KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐDS-PT ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số 15/TB-TA ngày 15/12/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hoài T, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ liên hệ: Tổ G, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Số D, Nguyễn Hữu K, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H T là ông Nguyễn Trường T1, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ liên hệ: Số G, Quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 là luật sư Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1972 – Công ty L luật sư, Chi nhánh Đ1 - Thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn X

Người đại diện theo pháp luật: Ông Sơn T2, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số D, L, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;

Anh T1 có mặt tại phiên tòa, luật sư Phạm Hoàng Đ và ông Sơn T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Nguyễn Trường T1 trình bày:

Ngày 09/5/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 (Gọi tắt là Công ty T4) và Công ty trách nhiệm hữu hạn X (Gọi tắt là Công ty X) ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 02/2018/HĐTC thỏa thuận giao cho Công ty T4 thi công Gói thầu số CL-PW-1.14; Đồng Thời, Công ty T5 Nguyên nhận thi công thêm Gói thầu số CL-PW-1.8 cho Công ty X.

Công ty X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T4 trong 05 ngày làm việc sau khi nhận được phần thanh toán của chủ đầu tư, hình thức thanh toán là chuyển khoản. Nếu chậm thanh toán thì phải chịu phạt 0,1%/ngày.

Công ty T4 đã hoàn thành công trình thi công ngoài thực địa, công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng và hết thời hạn bảo hành theo quy định. Tuy nhiên, Công ty X vẫn chưa thanh toán cho Công ty T4 giá

trị xây lắp hoàn thành 02 Gói thầu CL-PW-1.8 và CL-PW-1.14 với tổng số tiền là 406.745.357 đồng (gồm các khoản: 311.412.400 đồng + 277.986.152 đồng – 182.653.195 đồng) cụ thể như sau:

1. Phần giá trị quyết toán được chủ đầu tư phê duyệt là 311.412.400 đồng gồm Gói thầu CL-PW-1.14 số tiền 300.087.400 đồng; Gói thầu CL-PW-1.8 số tiền là 11.325.000 đồng.

2. Phần khối lượng Công ty X thi công dở dang rồi giao lại cho Công ty T4 thi công là 277.986.152 đồng gồm Gói thầu CL-PW-1.14 số tiền là 72.866.678 đồng; Gói thầu CL-PW-1.8 số tiền là 25.488.429 đồng; Bù giá chênh lệch bê tông số tiền là 179.631.045 đồng.

3. Phần giá trị Công ty T4 thanh toán lại cho Công ty X theo nội dung bản đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019 số tiền là 182.653.195 đồng.

Ngày 22/3/2021 Công ty T4 có Công văn số 08/CV.CTY, về việc đề nghị Công ty X thanh toán giá trị công trình phần còn lại cho Công ty với số tiền là 406.745.357 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Tính đến ngày 27/5/2021 thì Công ty X còn nợ Công ty T4 số tiền thi công là 406.745.357 đồng; T3 lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 11,05%/năm, tính từ ngày 22/3/2021 đến hết ngày 27/5/2021 là 02 tháng 06 ngày bằng số tiền là 8.241.474 đồng; Tiền phạt vi phạm hợp đồng với mức lãi 0,1%/ngày của tổng giá trị chậm thanh toán từ ngày 22/3/2021 đến ngày 27/5/2021 là 66 ngày bằng số tiền là 26.845.193 đồng.

Công ty T4 yêu cầu Công ty X trả tổng số tiền 441.832.024 đồng. Đồng thời, tiếp tục tính tiền phạt vi phạm hợp đồng với mức lãi 0,1%/ngày và lãi phát sinh đối với số tiền gốc 406.745.357 đồng theo mức lãi 11,05%/năm, tính từ ngày 28/5/2021 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Gói thầu 1.14 nguyên đơn thực hiện số tiền là 3.305.977.578 đồng.
Cụ thể:

- + Tại hóa đơn số 23 ngày 01/10/2018, số tiền 887.176.500 đồng;
- + Tại hóa đơn số 27 ngày 30/01/2019, số tiền 650.039.400 đồng;

+ Tại hóa đơn số 35 ngày 25/12/2019, số tiền 1.695.895.000 đồng.

+ Phần phát sinh ngoài hợp đồng không có hóa đơn là 72.866.678 đồng;

Trong Gói thầu 1.14 thì phía Công ty X đã thanh toán cho Công ty T4 được số tiền 2.982.040.500 đồng, số tiền chưa thanh toán là 323.937.078 đồng (Trong đó, có hóa đơn là 251.070.400 đồng, không có hóa đơn là 72.866.678 đồng).

- Phần phát sinh ngoài hợp đồng của Gói thầu CL-PW-1.8 là 240.667.429 đồng, cụ thể:

+ Tại hóa đơn số 36 ngày 26/12/2019, số tiền 215.179.000 đồng;

+ Phần phát sinh ngoài hợp đồng không có hóa đơn là 25.488.429 đồng.

Trong Gói thầu 1.8 thì phía Công ty X đã thanh toán cho Công ty T4 số tiền 203.854.000 đồng, số tiền chưa thanh toán là 36.813.429 đồng (Trong đó, có hóa đơn là 11.325.000 đồng, không có hóa đơn là 25.488.429 đồng).

Tổng giá trị khối lượng công việc của Gói thầu CL-PW-1.8 và Gói thầu CL-PW-1.14 mà Công ty T4 đã thực hiện được 3.546.645.007 đồng; Đến nay phía Công ty X đã thanh toán được số tiền 3.185.894.500 đồng, còn nợ 360.750.507 đồng (Trong đó nợ của Gói thầu 1.14 có hóa đơn là 251.070.400 đồng và không có hóa đơn là 72.866.678 đồng; Nợ của Gói thầu 1.8 có hóa đơn là 11.325.000 đồng và không có hóa đơn là 25.488.429 đồng).

Tại bản đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019 giữa Công ty T4 và Công ty X, thì Công ty T4 sẽ thanh toán cho Công ty X số tiền là 82.070.195 đồng, không phải số tiền 182.653.195 đồng như Công ty X trình bày. Do đó, Công ty T4 đồng ý khấu trừ số tiền 82.070.195 đồng cho Công ty X. Cụ thể của số tiền 360.750.507 đồng - 82.070.195 đồng = 278.680.312 đồng. Như vậy, Công ty T4 yêu cầu Công ty X phải thanh toán số tiền còn nợ của Gói thầu 1.14 và Gói thầu 1.8 là 278.680.312 đồng.

Ngoài ra, Công ty T4 có cho Công ty X mượn số tiền 49.017.000 đồng để nộp thuế vãng lai. Cụ thể:

- Tại Gói thầu 1.14 mượn số tiền là 44.909.037 đồng.
- Tại Gói thầu 1.8 mượn số tiền là 4.107.963 đồng.

Do đó, Công ty T4 yêu cầu Công ty X trả số tiền còn nợ của Gói thầu 1.14 và Gói thầu 1.8 là 278.680.312 (đã khấu trừ số tiền 82.070.195 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019) và 49.017.000 đồng tiền cho mượn để nộp thuế vãng lai. Tổng cộng là 327.697.312 đồng.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến như sau:

Công ty X thừa nhận có ký kết hợp đồng thi công số 02/2018/HĐTC ngày 09/5/2018 liên quan Gói thầu theo hợp đồng thi công số CL-PW-1.14; mà giữa Công ty X với Công ty T4 không có ký kết hợp đồng thi công liên quan Gói thầu theo hợp đồng thi công số CL-PW-1.8.

Theo bản đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019 được ký kết giữa Công ty X với Công ty T4 (cụ thể theo bản photo bản đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019 kèm theo đơn này) thì tính đến ngày 17/12/2019 Công ty T4 cũng thống nhất và thừa nhận còn nợ Công ty X số tiền 182.653.195 đồng nhưng chưa thanh toán cho Công ty X. Tính đến ngày 17/12/2019 Công ty X không còn nợ Công ty T4 bất cứ khoản tiền nào.

Do Công ty T4 thi công một số hạng mục công trình còn dở dang, không đủ điều kiện nghiệm thu thanh toán, chậm trễ tiến độ nên buộc Công ty X phải thi công khắc phục sửa chữa hoàn thành các khối lượng công việc bên Công ty T4 thi công dang dở, không đảm bảo chất lượng công trình. Công ty X cũng đã có thanh toán xong cho Công ty T4 các hạng mục đã hoàn thành nhưng giữa hai bên chưa có thanh lý hợp đồng thi công.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 262.395.400 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4.

Không xem xét việc khấu trừ nợ số tiền 82.070.195 đồng theo yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Không xem xét yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X trả số tiền cho mượn để nộp thuế vãng lai trong Gói thầu 1.14 mượn số tiền 44.909.037 đồng; Trong Gói thầu 1.8 mượn số tiền 4.107.963 đồng; Nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 có yêu cầu thì phải khởi kiện bằng vụ kiện khác để được xem xét theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại, trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 phải chịu 3.000.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 10.837.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017364 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Do Nguyễn Trường T1 nộp thay), Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 được nhận lại 7.837.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải chịu 13.119.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hướng dẫn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/8/2023 Công ty TNHH X kháng cáo yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm số: 03/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc Công ty TNHH X có trách nhiệm thanh toán số tiền 262.395.400 đồng cho Công ty TNHH MTV T4.

Không xem xét việc khấu trừ nợ số tiền 82.070.195đồng theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV T4 đối với Công ty TNHH X.

Nếu bị đơn có yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 182.653.195đồng theo bảng đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019 thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại:

Thủ tục kháng cáo bản án sơ thẩm: đúng quy định và hợp lệ.

Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm vấn tại phiên tòa, nhận thấy:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 (gọi tắt Công ty T4) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (gọi tắt Công ty X) có ký Hợp đồng thi công xây dựng số 02/2018/HĐTC, nội dung Công ty X giao cho Công ty T4 thi công Gói thầu số CL-PW-1.14, thi công xây dựng một số hạng mục công trình Trường Mầm non M, Trường Mầm non T6 (điểm chính), Trường Tiểu học T7

Ngoài ra, Công ty T4 còn thực hiện thi công một số hạng mục công trình hạ tầng xã hội (nhà văn hóa cộng đồng, trường học) thuộc Gói thầu số CL-PW-1.8 mà Công ty X đang thực hiện dở dang.

Công ty T4 đã cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh: Hóa đơn GTGT; Lệnh chuyển có; phiếu chuyển khoản; Biên bản nghiệm thu hoàn thành

công trình ngày 06/4/2020 của Gói thầu số CL-PW-1.14; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 03/4/2020 của Gói thầu số CL-PW-1.8.

Công ty T4 cho rằng tổng giá trị 02 Gói thầu là 3.546.645.007đ, Công ty X đã thanh toán 3.185.894.500đ, còn nợ 360.750.507đ. Theo bản đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019, Công ty T4 phải thanh toán cho Công ty X 82.070.195đ nên khấu trừ vào tiền nợ 360.750.507đ, còn lại 278.680.312đ. Công ty T4 có cho Công ty X mượn tiền nộp thuế vãng lai là 49.017.000đ. Do đó, Công ty T4 yêu cầu Công ty X trả 327.697.312đ (278.680.312đ + 49.017.000đ), không yêu cầu trả lãi.

Công ty X không đồng ý yêu cầu của Công ty T4.

Xét thấy, theo Công văn số 4308/CV-CCTKV ngày 23/6/2023 của Chi cục thuế khu vực A thuộc Cục Thuế tỉnh Đ cung cấp thông tin: Gói thầu số CL-PW-1.14, Công ty T4 đã xuất 03 hóa đơn (Hóa đơn số 23, 27, 35) cho Công ty X, tổng giá trị (bao gồm 10% thuế VAT) là 3.233.110.900đ; Gói thầu số CL-PW-1.8, Công ty T4 đã xuất hóa đơn số 36 cho Công ty X với giá trị (bao gồm 10% thuế VAT) là 215.179.000đ. Bốn hóa đơn trên Công ty T4 có kê khai thuế GTGT quý 4/2018 (số thuế nộp: 29.948.294đ), quý 4/2019 (số thuế nộp: 180.722.954đ) và Công ty T4 đã nộp thuế đầy đủ.

Cho thấy, giá trị Gói thầu CL-PW-1.14 là 3.233.110.900đ, Công ty X đã thanh toán cho Công ty T4 2.982.040.500đ, còn lại 251.070.400đ.

Giá trị Gói thầu CL-PW-1.8 là 215.179.000đ, Công ty X đã thanh toán cho Công ty T4 203.854.000đ, còn lại 11.325.000đ.

Như vậy, Công ty X còn phải thanh toán cho Công ty T4 số tiền còn nợ của 02 Gói thầu là 262.395.400đ là phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty T4 trình bày Công ty X có mượn số tiền 49.017.000đ để nộp thuế vãng lai nên yêu cầu Công ty X trả lại. Tuy nhiên, Công ty T4 chưa nộp đơn yêu cầu và chưa được Tòa án thụ lý nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét, Công ty T4 có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Quá trình giải quyết, Công ty X trình bày Công ty T4 còn nợ Công ty X là 182.653.195đ (do Công ty T4 giảm giá 5% theo hợp đồng) theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019. Trong khi Công ty T4 cho rằng chỉ còn nợ Công ty X 82.070.195đ.

Do hai bên không thống nhất số tiền mà Công ty T4 trả cho Công ty X và Công ty X không có đơn yêu cầu phản tố để yêu cầu trả hay khấu trừ tiền nợ

nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Công ty X có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Do đó, kháng cáo của Công ty X là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 17/8/2023 Công ty TNHH X trong hạn luật định và hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Công ty TNHH X kháng cáo yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm số: 03/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc Công ty TNHH X có trách nhiệm thanh toán số tiền 262.395.400 đồng cho Công ty TNHH MTV T4.

Không xem xét việc khấu trừ nợ số tiền 82.070.195 đồng theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV T4 đối với Công ty TNHH X.

Nếu bị đơn có yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 182.653.195 đồng theo bảng đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019 thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T4 yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền còn nợ là 360.750.507 đồng (Trong đó nợ của Gói thầu 1.14 có hóa đơn là 251.070.400 đồng và không có hóa đơn là 72.866.678 đồng; Nợ của Gói thầu 1.8 có hóa đơn là 11.325.000 đồng và không có hóa đơn là 25.488.429 đồng). Khấu trừ số tiền 82.070.195 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/12/2019 thì số tiền còn lại của 02 Gói thầu là 278.680.312 đồng, không yêu cầu tính lãi của số tiền này, nhưng yêu cầu tính lãi chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án.

Qua các chứng từ phía nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập thể hiện số tiền phát sinh tại Gói thầu 1.14 giữa Công ty T4 và Công ty X thực hiện là 3.233.110.900 đồng số tiền này do Công ty T4 đã kê khai nộp thuế. Công ty T4 thừa nhận Công ty X đã thanh toán số tiền 2.982.040.500 đồng. Như vậy, số tiền phía Công ty X còn nợ Công ty T4 số tiền 251.070.400 đồng.

Đối với Gói thầu 1.8 Công ty T4 chỉ thực hiện kê khai nộp thuế của Gói thầu 1.8 số tiền là 215.179.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận trong Gói thầu này bị đơn đã thanh toán số tiền 203.854.000 đồng. Như vậy, số tiền phía Công ty X còn nợ Công ty T4 là 11.325.000 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty X có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 262.395.400 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T5 Nguyên là có căn cứ.

Công ty T4 yêu cầu khấu trừ số tiền nợ là 82.070.195 đồng. Tuy nhiên, Công ty X không có đơn yêu cầu Tòa án xem xét đối với số tiền theo bản đối chiếu công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét việc khấu trừ nợ. Đối với số tiền 182.653.195 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ như Công ty X trình bày, Công ty X cũng không có yêu cầu phản tố đối với số tiền 182.653.195 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Nếu Công ty X có yêu cầu thì nộp đơn khởi kiện và Tòa án sẽ xem xét bằng vụ kiện khác là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của Công ty X là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án kinh doanh thương mại thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[4]. Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5]. Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH X phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6]. Các phần còn lại của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH X.
- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 262.395.400 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4.

Không xem xét việc khấu trừ nợ số tiền 82.070.195 đồng theo yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Không xem xét yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X trả số tiền cho mượn để nộp thuế vắng lai trong Gói thầu 1.14 mượn số tiền 44.909.037 đồng; Trong Gói thầu 1.8 mượn số tiền 4.107.963 đồng; Nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 có yêu cầu thì phải khởi kiện bằng vụ kiện khác để được xem xét theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại, trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH X phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006832 ngày 23/8/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước